

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phân bổ vốn sự nghiệp của tỉnh hỗ trợ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2013**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 05/9/2012 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 29/3/2013 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn Chương trình MTQG năm 2012;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại văn bản số 851/STC-NS ngày 08/4/2013 và Văn bản số 931/STC-NS ngày 12/4/2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ vốn sự nghiệp của tỉnh hỗ trợ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2013 là 6.820.000.000 đồng (Sáu tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng). *(chi tiết phụ lục kèm theo)*

Nguồn kinh phí: Từ nguồn chi khác ngân sách tỉnh được UBND tỉnh giao tại Quyết định 682/QĐ-UBND ngày 12/12/2012.

**Điều 2.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị sử dụng kinh phí được cấp đúng mục đích và thực hiện việc thanh, quyết toán tài chính theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Trần Thị Thu Hà;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K17, K19.

*(Chữ ký)*



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Thị Thu Hà**

**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP CỦA TỈNH HỖ TRỢ  
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2013**

*(Kèm theo Quyết định số 963 /QĐ-UBND ngày 16 /4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

ĐVT: Triệu đồng

| STT       | Hạng mục                                                                                                                                                                                              | Thành tiền   |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
|           | <b>Tổng cộng</b>                                                                                                                                                                                      | <b>6.820</b> |
| <b>I</b>  | <b>Quy hoạch xây dựng nông thôn mới (58 xã):<br/>100 triệu đồng/xã x 58 xã = 5.800 triệu đồng.</b>                                                                                                    | <b>5.600</b> |
| 1         | Huyện Hoài Nhơn: 08 xã (Hoài Mỹ, Tam Quan Bắc, Hoài Hải, Hoài Đức, Hoài Sơn, Hoài Phú, Hoài Châu, Hoài Châu Bắc)                                                                                      | 800          |
| 2         | Huyện Phù Mỹ: 09 xã (Mỹ Đức, Mỹ Chánh Tây, Mỹ Thắng, Mỹ Cát, Mỹ Tài, Mỹ Hòa, Mỹ Quang, Mỹ Phong, Mỹ An)                                                                                               | 900          |
| 3         | Huyện Phù Cát: 10 xã (Cát Lâm, Cát Sơn, Cát Thắng, Cát Hải, Cát Thành, Cát Hiệp, Cát Tân, Cát Chánh)                                                                                                  | 800          |
| 4         | Huyện Tây Sơn: 08 xã (Bình Thành, Tây Vinh, Tây Phú, Bình Tân, Tây Xuân, Vĩnh An, Tây Bình, Tây Giang)                                                                                                | 800          |
| 5         | Huyện Vĩnh Thạnh: 03 xã (Vĩnh Hòa, Vĩnh Sơn, Vĩnh Kim)                                                                                                                                                | 300          |
| 6         | Huyện Hoài Ân: 08 xã (Ấn Tín, Ấn Hào Tây, Ấn Mỹ, Ấn Tường Đông, Ấn Hữu, Bok Tới, Đăk Mang, Ấn Sơn)                                                                                                    | 800          |
| 7         | Huyện Tuy Phước: 05 xã (Phước Thắng, Phước Lộc, Phước Thành, Phước An, Phước Thuận)                                                                                                                   | 500          |
| 8         | Huyện An Lão: 02 xã (An Toàn, An Nghĩa)                                                                                                                                                               | 200          |
| 9         | Thị xã An Nhơn: 04 xã (Nhơn Mỹ, Nhơn Hậu, Nhơn Tân, Nhơn Hạnh)                                                                                                                                        | 400          |
| 10        | Huyện Vân Canh: 01 xã (Canh Liên)                                                                                                                                                                     | 100          |
| <b>II</b> | <b>Đề án xây dựng nông thôn mới (122 xã):<br/>10 triệu đồng/xã x 122 xã = 1.220 triệu đồng</b>                                                                                                        | <b>1.220</b> |
| 1         | Huyện Hoài Nhơn: 15 xã (Hoài Hương, Hoài Thanh, Tam Quan Nam, Hoài Tân, Hoài Thanh Tây, Hoài Xuân, Hoài Hào, Hoài Mỹ, Tam Quan Bắc, Hoài Hải, Hoài Đức, Hoài Sơn, Hoài Phú, Hoài Châu, Hoài Châu Bắc) | 150          |
| 2         | Huyện Phù Mỹ: 16 xã (Mỹ Hiệp, Mỹ Lộc, Mỹ Thành, Mỹ Lợi, Mỹ Trinh, Mỹ Châu, Mỹ Thọ, Mỹ Đức, Mỹ Chánh Tây, Mỹ Thắng, Mỹ Cát, Mỹ Tài, Mỹ Hòa, Mỹ Quang, Mỹ Phong, Mỹ An)                                 | 160          |
| 3         | Huyện Phù Cát: 16 xã (Cát Trinh, Cát Khánh, Cát Nhơn, Cát Tài, Cát Tường, Cát Hưng, Cát Minh, Cát Lâm, Cát Sơn, Cát Thắng, Cát Hải, Cát Thành, Cát Hiệp, Cát Hạnh, Cát Tân, Cát Chánh)                | 160          |
| 4         | Huyện Tây Sơn: 14 xã (Bình Nghi, Bình Tường, Tây An, Bình Hòa, Tây Thuận, Bình Thuận, Bình Thành, Tây Vinh, Tây Phú, Bình Tân, Tây Xuân, Vĩnh An, Tây Bình, Tây Giang)                                | 140          |
| 5         | Huyện Vĩnh Thạnh: 08 xã (Vĩnh Quang, Vĩnh Thuận, Vĩnh Hào, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Hòa, Vĩnh Sơn, Vĩnh Kim)                                                                                       | 80           |
| 6         | Huyện Hoài Ân: 14 xã (Ấn Thạnh, Ấn Phong, Ấn Tường Tây, Ấn Nghĩa, Ấn Hào Đông, Ấn Đức, Ấn Tín, Ấn Hào Tây, Ấn Mỹ, Ấn Tường Đông, Ấn Hữu, Bok Tới, Đăk Mang, Ấn Sơn)                                   | 140          |
| 7         | Huyện Tuy Phước: 11 xã (Phước Nghĩa, Phước Hưng, Phước Quang, Phước Hòa, Phước Hiệp, Phước Sơn, Phước Thắng, Phước Lộc, Phước Thành, Phước An, Phước Thuận)                                           | 110          |

|    |                                                                                                                                         |     |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 8  | Huyện An Lão: 08 xã ( <i>An Hòa, An Tân, An Trung, An Quang, An Hưng, An Toàn, An Nghĩa, An Vinh</i> )                                  | 80  |
| 9  | Thị xã An Nhơn: 10 xã ( <i>Nhơn Lộc, Nhơn Phúc, Nhơn An, Nhơn Khánh, Nhơn Phong, Nhơn Thọ, Nhơn Mỹ, Nhơn Hậu, Nhơn Tân, Nhơn Hạnh</i> ) | 100 |
| 10 | Huyện Vân Canh: 06 xã ( <i>Canh Vinh, Canh Thuận, Canh Hòa, Canh Hiền, Canh Hiệp, Canh Liên</i> )                                       | 60  |
| 11 | Thành phố Quy Nhơn: 04 xã ( <i>Nhơn Lý, Phước Mỹ, Nhơn Hải, Nhơn Châu</i> )                                                             | 40  |